

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc
của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn*

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 6/3/1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 5/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 147/1999/QĐ-TTg ngày 5/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) để bố trí nơi làm việc cho cán bộ, công chức làm công

tác đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể và chuyên môn nghiệp vụ tại xã thuộc biên chế do Chính phủ quy định.

Điều 2. Định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã quy định tại Quyết định này được quy định tối đa theo từng khu vực với mức như sau:

- 1- Khu vực đô thị không quá 450 m²;
- 2- Khu vực đồng bằng, trung du không quá 500 m²;
- 3- Khu vực miền núi, hải đảo không quá 400 m²;

Định mức sử dụng trụ sở làm việc nêu trên gồm: Diện tích nhà dùng để làm việc cho các cán bộ, công chức làm công tác đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ cho công tác tiếp dân, họp, lưu trữ hồ sơ và sử dụng cho các nhu cầu công việc chung khác tại xã.

Căn cứ vào thực tế ở địa phương và tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định diện tích đất giao cho cấp xã làm trụ sở cho phù hợp.

Điều 3. Việc bố trí sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã trong định mức quy định tại Điều 2 Quyết định này thực hiện như sau:

- 1- Diện tích sử dụng làm việc của chức danh: Bí thư Đảng ủy hoặc Bí thư Chi bộ xã (nơi chưa thành lập Đảng ủy cấp xã), Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã sử dụng diện tích làm việc từ 10-12 m²;
- 2- Diện tích sử dụng làm việc của chức danh: Phó Bí thư Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy cấp xã (nơi không có Phó Bí thư chuyên trách công tác Đảng) hoặc Phó Bí thư Chi bộ xã (nơi chưa thành lập Đảng ủy cấp xã), Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã sử dụng diện tích làm việc từ 8-10 m².

Trường hợp một cán bộ, công chức xã kiêm nhiệm nhiều chức danh khác nhau thì được tính theo định mức của chức danh bổ nhiệm chính thức của cán bộ đó đảm nhận.